**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN 10- THỜI GIAN LÀM BÀI 90 PHÚT**

**I. Xây dựng ma trận đề kiểm tra**

**1. Khung ma trận đề kiểm tra định kì môn Ngữ văn, lớp 10**

**1.1. Khung ma trận đề kết hợp trắc nghiệm và tự luận- Lớp 10**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **1** | **Kĩ năng**  **Đọc- hiểu** | **Nội dung/đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm**  **60** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| Thơ trữ tình | **4** | **0** | **3** | **1** | **0** | **1** | **0** | **1** |
| **2** | **Viết** | Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. | **0** | **1** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **40** |
| **Tỉ lệ %** | | | ***20*** | ***10*** | ***15*** | ***25*** | ***0*** | ***20*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **30%** | | **40%** | | **20%** | | **10%** | |
| **Tổng** | | | **70%** | | | | **30%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NGỮ VĂN 10**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Thơ Đường luật  (ngữ liệu ngoài SGK) | **Nhận biết**  - Xác định thể thơ.  - Nhận diện từ loại  - Nhận diện được chủ thể trữ tình  - Nhận diện biện pháp tu từ  **Thông hiểu**  **-** Hiểu được nghĩa của từ  - Hiểu được tâm trạng, thái độ của nhân vật trữ tình  - Hiểu được ý nghĩa của câu thơ  - Hiểu được nội dung, chủ đề của bài thơ  **Vận dụng**  - Nhận xét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ  - Rút ra thông điệp của bài thơ  **Vận dụng cao**  Từ ý nghĩa của văn bản liên hệ tới xã hội ngày nay | **4** | **4** | **1** | **1** | **10** |
| **2** | **Viết** | **Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hat một quan niệm.** | **Nhận biết**  - Nêu được thói quen hay quan niệm mang tính tiêu cực, cần phải từ bỏ.  - Xác định rõ được mục đích (khuyên người khác từ bỏ thói quen / quan niệm), đối tượng nghị luận (người / những người mang thói quen / quan niệm mang tính tiêu cực).  **-** Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu**  - - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Trình bày được những khía cạnh mang tính tiêu cực, bất lợi của thói quen / quan niệm; những lợi ích của việc từ bỏ thói quen / quan niệm ấy.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Thể hiện được thái độ tôn trọng với đối tượng thuyết phục; chỉ ra được lợi ích của việc từ bỏ thói quen, quan niệm.  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp của phương thức miêu tả, biểu cảm, … để tăng sức thuyết phục cho lập luận.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |  |  |  |  | **1** |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **6** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **30** | **40** | **20** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | | **100** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |